| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>ĐẶC KHU CÁT HẢI | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số:3768 /QĐ-UBND | *Cát Hải, ngày* 06 *tháng* 11 *năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH
**Phê duyệt dự án Cải tạo, sửa chữa các tuyến đường, điện chiếu sáng các đường ngõ, xóm tại các thôn thuộc địa bàn đảo Cát Bà**

## CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN ĐẶC KHU CÁT HẢI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 2676/QĐ-UBND ngày 24/9/2026 của Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Cải tạo, sửa chữa các tuyến đường, điện chiếu sáng các đường ngõ, xóm tại các thôn thuộc địa bàn đảo Cát Bà;*

*Xét Thông báo kết quả thẩm định số 20/TBTĐ-XDNN&MT ngày 03/11/2026 và Tờ trình 217/TTr-XDNN&MT ngày 04/11/2026 của Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt dự án Cải tạo, sửa chữa các tuyến đường, điện chiếu sáng các đường ngõ, xóm tại các thôn thuộc địa bàn đảo Cát Bà với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Cải tạo, sửa chữa các tuyến đường, điện chiếu sáng các đường ngõ, xóm tại các thôn thuộc địa bàn đảo Cát Bà

2. Loại, nhóm dự án, cấp công trình: Dự án nhóm C; công trình cải tạo sửa chữa; công trình giao thông cấp IV.

3. Mã dự án: 8221071.

4. Địa điểm xây dựng dự án: Đặc khu Cát Hải, Hải Phòng.

5. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải.

6. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đặc khu Cát Hải.

7. Nhà thầu tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty Cổ phần tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông công chính Hải Phòng.

8. Mục tiêu dự án:

- Nhằm từng bước phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đảng bộ đặc khu nhiệm kỳ 2025-2030: Chú trọng đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại.

- Hoàn thiện đồng bộ kết cấu hạ tầng giao thông và hạ tầng kỹ thuật khu dân cư; bảo đảm giao thông thuận lợi, an toàn; nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân; góp phần xây dựng cảnh quan nông thôn, đô thị văn minh, hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, du lịch và bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn Đặc khu Cát Hải.

9. Quy mô đầu tư xây dựng:

9.1. Quy mô đầu tư:

Cải tạo, sửa chữa các tuyến đường, điện chiếu sáng các đường ngõ, xóm tại các thôn, tổ dân phố thuộc địa bàn đảo Cát Bà, bao gồm 40 tuyến ngõ, tổng chiều dài các tuyến khoảng 6 km, mặt cắt ngang ngõ rộng trung bình 1,5 ÷ 6,5m, trong đó:

- Làm mặt đường: Cải tạo 28 tuyến, tổng chiều dài khoảng 2.663m. Trong đó: Bề rộng trung bình <2m gồm 01 tuyến tổng chiều dài khoảng 46 m; bề rộng từ 2 đến 3m có 15 tuyến, tổng chiều dài khoảng 1.602m; bề rộng trung bình ≥3m có 12 tuyến, tổng chiều dài khoảng 1.015m.

- Xây dựng cải tạo hệ thống thoát nước:

+ Xây dựng tuyến mương thoát nước ngoài ranh giới khu đô thị Vinaconex từ Đập Nước đến nhà hàng Phương Trường;

+ Xây dựng hệ thống thoát nước mới và xây dựng lại 19 tuyến, tổng chiều dài khoảng 2.266m; cải tạo sửa chữa hệ thống thoát nước 07 ngõ, tổng chiều dài khoảng 1.082m.

- Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng 3 tuyến, tổng chiều dài các tuyến khoảng 1.641m.

- Cải tạo, sửa chữa các hạng mục hoàn thiện khác.

9.2. Giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình.

9.2.1. Thiết kế cải tạo nâng cấp mặt đường:

Nâng cấp mặt đường cũ (mặt đường bê tông xi măng) bằng kết cấu mặt đường bê tông xi măng:

a. Kết cấu mặt đường tại các ngõ có bề rộng ≤ 2m:

- Lớp bê tông M250 đá 1x2 đổ tại chỗ dày 12cm (bê tông tươi).

- Lớp nilong lót chống mất nước xi măng.

- Mặt đường bê tông xi măng hiện trạng (hoặc lớp cấp phối đá dăm dày 20cm đối với đường làm mới, cạp mở rộng).

b. Kết cấu mặt đường tại các ngõ có bề rộng 2m - <3m.

- Lớp bê tông M250 đá 1x2 đổ tại chỗ dày 15cm - 17cm (bê tông tươi).

- Lớp nilong lót chống mất nước xi măng.

- Mặt đường bê tông xi măng hiện trạng (hoặc lớp cấp phối đá dăm dày 20cm đối với đường làm mới, cạp mở rộng).

c. Kết cấu mặt đường tại các ngõ có bề rộng ≥ 3m.

- Lớp bê tông M300 đá 1x2 đổ tại chỗ dày 18cm - 19cm (bê tông tươi).

- Lớp nilong lót chống mất nước xi măng.

- Mặt đường bê tông xi măng hiện trạng (hoặc lớp cấp phối đá dăm dày 20cm đối với đường làm mới, cạp mở rộng).

d. Khe co giãn (khe ngang)

+ Khe co: Được bố trí theo khoảng cách đều nhau cụ thể như sau:

- Đối với đường rộng <2m cứ 3m theo chiều dài bố trí 1 khe, đường có bề rộng 2≤ B <3m cứ 4m theo chiều dài bố trí 1 khe; đường có bề rộng B ≥ 3m cứ 5m theo chiều dài bố trí 1 khe.

+ Khe giãn: Được bố trí theo khoảng cách đều nhau cụ thể như sau: Đối với đường rộng <2m cứ 18m theo chiều dài bố trí 1 khe, đường có bề rộng 2≤ B <3m cứ 24m theo chiều dài bố trí 1 khe; đường có bề rộng B ≥ 3m cứ 30m theo chiều dài bố trí 1 khe. Bề rộng khe giãn 2cm, chèn khe bằng ma tít nhựa đường.

e. Kết cấu gia cố lề

- Lớp bê tông M250 đá 1x2 đổ tại chỗ dày trung bình khoảng 10cm.

- Lớp nilong lót chống mất nước xi măng.

- Lớp cấp phối đá dăm bù vênh.

9.2.2. Xây dựng cải tạo hệ thống thoát nước:

- Xây dựng thay thế hệ thống thoát nước hiện có ở các ngõ hệ thống thoát nước cũ bị hư hỏng nặng không còn khả năng cải tạo sửa chữa.

- Cải tạo lại hệ thống thoát nước đã có như cơi cao thành rãnh thoát nước, thay tấm đan ở những ngõ làm lại mặt đường, cơi cao đỉnh ga thoát nước tại những ngõ thoát nước bằng cống tròn, nạo vét các tuyến rãnh thoát nước ở các ngõ do bùn đất đọng nhiều trong lòng rãnh, thay thế các tấm lắp rãnh đã bị hư hỏng, xây lại các cửa thu nước đã xuống cấp. Cụ thể như sau:

a. *Cải tạo hệ thống mương thoát nước từ khu Đập Nước đến nhà hàng Phương Trường*

Điểm đầu tuyến mương tại Nhà hàng Phương Trường, điểm cuối tại đập nước:

+ Đoạn 1: Từ nhà hàng Phương Trường đến Km0+17,5m (dài 17,5m) hai bên mương là mái đất tự nhiên, cao độ tự nhiên bờ mương trung bình 3,00, cao độ đáy mương 2,20 ÷ 2.35

- Cải tạo mương: bề rộng đáy mương 2,0m, cao độ đáy mương tại điểm

đầu +1,50 độ dốc dọc đáy mương và bờ mương 0.15%; chiều cao gia cố hai bên bờ mương 1,50m. Bờ mương bên trái gia cố bằng kè xây bằng đá hộc dày 30cm vữa xi măng M100, mái dốc 1:1, trên lớp đệm bằng đá dăm 2x4 dày 10 cm, ngăn cách với đất nền bằng vải địa kỹ thuật không dệt ART -15. Móng kè bằng đá hộc xây BxH = 55 x 65(cm), đáy móng gia cố cọc tre 16 cọc /m2. Bờ mương bên phải gia cố bằng tường chắn trọng lực, cấu tạo bằng bê tông M200 đá 2x4 cao 1,5m đỉnh tường chắn rộng 40cm, mái dốc thân tường chắn phía lòng mương 3:1, đáy móng gia cố cọc tre 16 cọc /m2. Đắp hoàn thiện hai bên bờ mương bằng đất tận dụng k=0,85.

+ Đoạn 2: Từ Km0+17,5m đến Km0+121.9 (dài 104,4 m) bên trái mương là mái đất tự nhiên, cao độ tự nhiên bờ mương trung bình 3,00, bên phải gia cố bằng tường chắn đất cao 50cm, móng cao 30cm: cao độ đáy mương 2,00 ÷ 2.60

- Cải tạo mương: bề rộng đáy mương 2,0m, độ dốc dọc đáy mương và bờ mương 0.15%; chiều cao gia cố hai bên bờ mương 1,50m. Bờ mương bên trái gia cố bằng kè xây bằng đá hộc cấu tạo kè giống đoạn 1. Bờ mương bên phải gia cố bằng tường chắn trọng lực, cấu tạo bằng bê tông M200 đá 2x4 cao 1,0m đỉnh tường chắn rộng 40cm, cao độ đỉnh tường chắn thiết kế bằng cao độ đỉnh móng tường chắn hiện có, mái dốc thân tường chắn phía lòng mương 3:1, đáy móng gia cố cọc tre 16 cọc /m2. Đắp hoàn thiện hai bên bờ mương bằng đất tận dụng k=0,85.

+ Đoạn 3: Từ Km0+ 121.9 đến Km0+ 172,0 (dài 50,1m) hai bên mương là mái đất tự nhiên, cao độ hiện trạng bờ mương từ 2,80- 2,90; cao độ đáy mương 2,15 ÷ 2. 50. Cải tạo mương: giống như đoạn 1

+ Đoạn 4: Từ Km0+ 172,0 đến Km0+311.2 (dài 139,2m) bên trái mương là mái đất tự nhiên, cao độ tự nhiên bờ mương trung bình 3,00, bên phải gia cố bằng tường chắn đất cao 120cm, móng cao 80cm: cao độ đáy mương 1,60 ÷ 2,00

- Cải tạo mương: bề rộng đáy mương 2,0m, độ dốc dọc đáy mương và bờ mương 0,15%; chiều cao gia cố hai bên bờ mương 1,50m. Bờ mương bên trái gia cố bằng kè xây bằng đá hộc cấu tạo kè giống đoạn 1.Bờ mương bên phải giữ nguyên hiện trạng. Đắp hoàn thiện hai bên bờ mương bằng đất tận dụng k=0,85.

+ Đoạn 5: Từ Km0+311.2 đến Km0+403.3 (dài 92,1m) hai bên mương là mái đất tự nhiên, cao độ hiện trạng bờ mương từ 2,65- 2,90; cao độ đáy mương 1.50 ÷ 1.85. Cải tạo mương giống như đoạn 1.

+ Đoạn 6 và đoạn 8: Đoạn 6: từ Km0+403.3 đến Km0+415,1 (dài 11.8m); đoạn 8 Km0+562.0 đến Km0+573.8 (dài 11.8m) là 2 vị trí có đường nhánh vào khu đô thị Cái Giá, hiện tại có cống D1000 đặt qua kênh.

- Thay cống D1000 thông kênh hiện có bằng cống hộp BxH = 2x2m để phù hợp với lưu lượng nước theo tuyến mương thiết kế: Thân cống đầu cống bằng bê tông cốt thép M300 đá 1x2 đổ tại chỗ, mỗi mô đun chính dài ≤11,8m (bao gồm cả bề rộng khe phòng lún); Lót móng cống bằng lớp bê tông M100 đá 4x6 dày 10cm; đệm đá 4x6 dày 20cm; nền gia cố cọc tre D=6-8cm, dài 2.5m/cọc, đóng 25 cọc/m2; yêu cầu khi đưa vào khai thác phải cống chịu được hoạt tải HL93.

+ Đoạn 7: Từ Km0+415,1 đến Km0+562.0 (dài 146.9m) hai bên mương

là mái đất tự nhiên, cao độ hiện trạng bờ mương từ 2,65- 2,90; cao độ đáy mương 1.50 ÷ 1.85. Cải tạo mương: giống như đoạn 1.

+ Đoạn 9: Từ Km0+573,8m đến Km0+600 (dài 26,2m) hiện trạng bờ mương bên trái gia cố bằng kè xây đá hộc, bên phải là mái kênh đất, điểm cuối có tường chắn trọng lực bằng bê tông cắt ngang kênh. cao độ tự nhiên bờ mương trung bình 3,00, cao độ đáy mương 2,20 ÷ 2.35.

- Cải tạo mương: Bề rộng đáy mương 2,0m, cao độ đáy mương tại điểm cuối +0,60 độ dốc dọc đáy mương và bờ mương 0.15%; chiều cao gia cố hai bên bờ mương 1,50m. Bờ mương bên trái giữ nguyên kè cũ. Bờ mương bên phải: cắt bỏ tường chắn bờ sông đào theo chiều ngang mương dài 5,3m, theo chiều dọc mương dài 2,7m. Gia cố bờ mương bằng tường chắn trọng lực, cấu tạo bằng bê tông M200 đá 2x4 cao 1,5m đỉnh tường chắn rộng 40cm, mái dốc thân tường chắn phía lòng mương 3:1, đáy móng gia cố cọc tre 16 cọc /m2; đắp hoàn thiện hai bên bờ mương bằng đất tận dụng k=0,85

+ Xây dựng 02 đoạn mương nối từ cửa cống hiện có cắt ngang đường 356 vào mương. Cấu tạo thành mương bằng gạch không lung tiết diện lòng rãnh BxH = 1,5m x1,5m, chiều dài trung bình mỗi đoạn mương khoảng 25m, các thanh chống ngang bằng bê tông, khoảng cách 4m/thanh.

*b. Xây dựng mới và xây dựng lại hệ thống thoát nước trong khu dân cư:*

- Xây dựng hệ thống thoát nước cho 18 tuyến ngõ dài khoảng 1.687,27m trong đó:

+ Rãnh bê tông cốt thép B400 có 17 tuyến, chiều dài 1.599,3m;

+ Rãnh xây B600 có 1 tuyến, chiều dài 87,97m;

*c. Cải tạo sửa chữa hệ thống thoát nước:*

+ Nạo vét xây cơi rãnh cũ 8 tuyến, chiều dài 967,17m.

+ Thay tấm đan 0.7x0.7m có lỗ thu nước 02 tuyến dài 40m.

+ Thay tấm đan rãnh B40 có lỗ thu nước 06 tuyến dài 254m.

+ Thay tấm đan nắp rãnh 1,4 x0.5(m) thăm 01 tuyến, số ga 14 cái.

+ Thay tấm đan nắp ga 1,2 x0.6 (m) thăm 02 tuyến, số ga 14 cái.

+ Xây ga thăm có 3 tuyến, số lượng 10 cái.

+ Xây ga thăm cống D400 8 tuyến, số lượng 44 cái.

9.2.3 Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng công cộng

* Điện chiếu sáng đường ngõ nhà ống Ứng đến nhà bà Hoài thôn Xuân Đám chiều dài tuyến 56m.

- Đường ngõ xóm Bm=3,5: Thiết kế chiếu sáng 1 bên, sử dụng cột thép cột thép cao 6m vươn đơn 1,5m; Pha đèn đường led 50w diming 5 cấp.

- Cáp cấp nguồn từ công tơ đến tủ chiều sáng, cáp từ tủ chiếu sáng đến các cột thép đi ngầm: Cáp Cu/XLPE/PVC 2x2,5 mm2.

- Dây lên đèn từ bảng điện đến pha đèn: Cu/PVC/PVC 3x1,5m

- Tủ chiếu sáng 1 pha -25A: 01 tủ.

- Hệ thống bảo vệ chạm mát an toàn: Tại các vị trí cột thép đóng 01 cọc tiệp địa chạm mát và sử dụng dây đồng trần M10 liên hoàn giữa các cột, dây tiếp địa M10 cùng với cọc tiếp địa chạm mát được đấu nối bắt trực tiếp vào cột thép.

* Lắp đặt hệ thống chiếu sáng đường Liên Hòa, thôn Trân Châu, chiều dài tuyến 857m.

- Trục đường Bm=6,3m đến 6,7m thiết kế hệ thống điện chiếu sáng 1 bên lắp trên cột thép cao 9m vươn đơn 1,5m, Pha đèn đường led 100w diming 5 cấp, khoảng cách giữa các cột liền kề khoảng trung bình 26 -:- 32m.

- Cáp cấp nguồn tứ công tơ đến tủ chiều sáng: Cu/XLPE/PVC 4x25mm2.

- Cáp từ tủ chiếu sáng đến các cột thép đi ngầm: Cáp Cu/XLPE/PVC /DSTA/PVC 4x16 mm2.

- Dây lên đèn đấu nối từ bảng điện cửa cột lên đèn sử dụng dây Cu/PVC/PVC 3x1,5mm2;

- Tủ chiếu sáng 3 pha -50A.

- Tại mỗi vị trí cột đóng 01 cọc tiệp địa chạm mát.

- Hệ thống tiếp địa bảo vệ mất trung tính cho lưới điện 3 pha: Chiều dài cáp 981,8m bố trí đóng 05 vị trí tiếp địa trong đó dây tiếp địa Cu/PVC 1x10mm2 từ hệ thống cọc tiếp địa đầu nối vào dây trung tính tại lưới điện 3 pha tại bảng điện cửa cột.

- Tủ chiếu sáng được thiết kế tủ 3 pha -50A cùng với cáp Cáp Cu/XLPE/PVC/ DSTA/PVC 4x16 mm2 có khả năng phát triện phụ tải cho phép các pha đèn chiếu sáng tại các ngõ đấu nối vào hệ thống.

*Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng khu vực trung tâm du lịch thị trấn Cát Bà, đoạn từ khách sạn Hùng Long đến Cát Cò 3, chiều dài tuyến 749m.

- Hệ thống điện chiếu sáng 1 bên lắp trên cột thép cao 9m vươn đơn 1,5m, đèn LED công suất 100w chiếu sáng đường; chiếu sáng nút giao sử dụng cột thép cao 12m, đèn pha chiếu 200w chiếu sáng nút giao; khoảng cách giữa các cột liền kề khoảng trung bình 26 -:- 32m, thiết kế chiếu sáng nút giao khu vực cổng khu đô thị.

- Cáp cấp nguồn tứ công tơ đến tủ chiều sáng: Cu/XLPE/PVC 4x16mm2;

- Cáp từ tủ chiếu sáng đến các cột thép đi ngầm: Cáp Cu/XLPE/PVC/DSTA /PVC 4x10 mm2.

- Dây lên đèn từ bảng điện đến pha đèn: Cu/PVC/PVC 3x1,5m;

- Với cáp cấp nguồn từ cột hạ thế đến tủ điều khiển chiếu sáng cáp ngầm đi qua đường bê tông asphan sử dụng phương khoan ngầm qua đường

- Để hệ thống bảo vệ chạm mát an toán tại các vị trí cột thép đóng 01 cọc tiệp địa, sử dụng dây đồng trần M10 nối liên hoàn giữa các cột, dây tiếp địa M10 và cọc tiếp địa chạm mát được đấu bắt trực tiếp vào cột thép.

- Hệ thống tiếp địa bảo vệ mất trung tính cho lưới điện 3 pha: Chiều dài

cáp 861,36m bố trí đóng 04 vị trí tiếp địa trong đó dây tiếp địa Cu/PVC 1x10mm2 từ hệ thống cọc tiếp địa đầu nối vào dây trung tính của lưới điện 3 pha tại bảng điện cửa cột.

10. Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng: Theo Tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

11. Tổng mức đầu tư xây dựng: **22.674.093.000** đồng *(Bằng chữ: Hai mươi hai tỷ, sáu trăm bảy mươi bốn triệu, không trăm chín mươi ba nghìn đồng)*.

Trong đó:

| | |
|---|---|
| - Chi phí xây dựng | 18.937.984.000đ |
| - Chi phí quản lý dự án | 621.751.000đ |
| - Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng | 1.847.219.000đ |
| - Chi phí khác | 187.420.000đ |
| - Dự phòng chi | 1.079.719.000đ |

12. Thời gian thực hiện dự án: 2026-2027.

13. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách đặc khu (vốn đầu tư công).

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư quản lý trực tiếp.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện.

Giao Ban Quản lý dự án đặc khu Cát Hải chịu trách nhiệm quản lý, tổ chức thực hiện các nội dung được duyệt tại Điều 1 theo các quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân đặc khu; Trưởng phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường; Trưởng phòng Kinh tế; Giám đốc Ban Quản lý dự án đặc khu Cát Hải và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

***Nơi nhận:***
- Thường trực HĐND đặc khu;
- CT và các PCT UBND đặc khu;
- Như điều 3;
- KBNN Khu vực III - Phòng Giao dịch số 2;
- Cổng thông tin điện tử đặc khu;
- Lưu: VT, XDNN&MT (5b).

**CHỦ TỊCH**

**Phan Viết Điện**